

Bản án số: 873/2022/HS-PT

Ngày: 16/12/2022.

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Lệ;

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Sỹ Hưng;  
Ông Nguyễn Huyền Cường.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Bình, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 866/2022/TLPT-HS ngày 20 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo Vương Xuân T cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 260/2022/HS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.

**\* Bị cáo có kháng cáo:**

**1. Vương Xuân T**, sinh năm 1969; ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Xuân G (đã chết) và bà Bùi Thị L; có vợ Phạm Thị Hồng T1 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 15/5/1991 bị Công an huyện Đ, thành phố H bắt về hành vi Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh Quốc gia;

Bị cáo đầu thú, bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2020 đến ngày 26/10/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt tại phiên tòa;*

**2. Lưu Xuân K**, sinh năm 1978; ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 3/12 (Bị cáo khai tại phiên tòa: Lớp 5/12); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Xuân B và bà Bùi Thị P (đều đã chết); có vợ Vương Thị Vân K1 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo đầu thú, bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/6/2020 đến ngày 12/6/2020; ngày 15/6/2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt tại phiên tòa;*

**\* Người bào chữa cho bị cáo Lưu Xuân K:** Ông Lưu Ngọc T2, Luật sư của Văn phòng L4, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; *có mặt tại phiên tòa;*

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Công ty Cổ phần X (viết tắt là Công ty X) có địa chỉ trụ sở tại thôn M, xã Đ, huyện Đ, H do Phạm Thị Hồng T1 (là Tổng Giám đốc; Vương Xuân T (là chồng của T1) là Phó Tổng Giám đốc. Ngày 18/7/2012, Công ty X được Sở T8 trường thành phố H cấp phép khai thác cát làm vật liệu san lấp tại bãi nổi sông H thuộc địa phận thôn M, xã Đ, huyện Đ, H với diện tích khai thác là 7,8 ha; thời gian khai thác 12 năm kể từ ngày ký.

Thời gian cuối năm 2019, Vương Xuân T bàn với Phạm Thị Hồng T1 về việc hút cát trái phép tại lòng sông H thuộc địa phận xã Đ, huyện Đ, H để bán kiếm lời. Phạm Thị Hồng T1 đồng ý. Để hoạt động được, Vương Xuân T và Phạm Thị Hồng T1 đã thuê các đối tượng quản lý, duy trì công việc khai thác cát trái phép, gồm:

- Phạm Văn T3 (là em trai của Phạm Thị Hồng T1): Phạm Văn T3 có nhiệm vụ quản lý hoạt động của bãi khai thác cát trái phép, tìm khách có nhu cầu mua cát, hướng dẫn khách di chuyển đến địa điểm neo đậu chờ được hút cát, xử lý những sự việc phát sinh tại khu vực bãi khai thác cát trái phép.

- Đặng Thế T4 có nhiệm vụ theo dõi số liệu các tàu hút cát bơm lên bãi tập kết, ghi chép số liệu vào sổ để Vương Xuân T giao cho kế toán tổng hợp, trả tiền công cho các chủ tàu hút cát.

- Phan Đình T5 có nhiệm vụ hướng dẫn các tàu khai thác cát hút cát trực tiếp từ lòng sông H lên khoang chứa của các tàu mua cát, ký nhận số lượng cát mà các tàu hút được để kế toán chốt số liệu cho vợ chồng T và T1 trả tiền công cho các chủ tàu hút.

- Phan Thị Bích H1 được vợ chồng Vương Xuân T, Phạm Thị Hồng T1 giao nhiệm vụ chốt số liệu của các tàu hút cát dựa trên các sổ ghi chép của các chủ tàu đã được Phan Đình T5 và Đặng Thế T4 ký xác nhận, lập bảng lương cho những người làm thuê tại bãi khai thác cát trái phép để vợ

chồng Vương Xuân T, Phạm Thị Hồng T1 trả tiền công cho các chủ tàu, trả lương cho nhân viên.

- Nguyễn Viết S được giao nhiệm vụ bán cát cho các xe tải đến mua cát tại bãi tập kết, ghi chép số liệu vào giấy rồi để tiền thu được và giấy ghi chép vào ngăn kéo bàn trong lán bảo vệ. Cuối ngày, vợ chồng Vương Xuân T và Phạm Thị Hồng T1 sẽ đến lấy tiền, đối chiếu với số liệu ghi trong giấy.

Để thực hiện việc khai thác cát trái phép, Vương Xuân T và Phạm Thị Hồng T1 thuê tàu mang số hiệu VP 0972 của Phạm Đình L1; tàu hút cát mang số hiệu HN 1566 của Lưu Xuân K; 01 tàu không có biển kiểm soát của Nguyễn Đường Đ (T); tàu hút cát mang số hiệu HY 0206 của đối tượng tên D (chưa xác định nhân thân) và 01 tàu của vợ chồng đối tượng tên Q và T6 (chưa xác định nhân thân và số hiệu của tàu) làm công cụ, phương tiện hút cát. Vương Xuân T trả tiền thuê các chủ tàu là 5.000 đồng/m<sup>3</sup> cát đối với việc hút cát và bán sang mạn; 15.000 đồng/m<sup>3</sup> cát đen (cát xây) và 13.000 đồng/m<sup>3</sup> cát san nền bơm lên bãi tập kết của Vương Xuân T. Vương Xuân T bán cho các tàu sang mạn với giá 13.000 đồng/m<sup>3</sup> và 30.000 đồng/m<sup>3</sup> tại bãi vật liệu. Căn cứ thể tích của các tàu hút, Vương Xuân T thỏa thuận với các chủ tàu mỗi chuyến tàu hút đầy cát vào khoang bơm lên bãi tính thể tích tương ứng như sau: Tàu của Phạm Đình L1, D, T6 và Nguyễn Đường Đ tính 100m<sup>3</sup>/chuyến và tàu của Lưu Xuân K tính 200m<sup>3</sup>/chuyến.

Rạng sáng ngày 26/5/2020, khi tàu của Phạm Đình L1 cùng với thuyền viên Triệu Văn Đ1 đang hút cát tại khu vực H và bán cho 02 tàu thu mua cát, là tàu có ký hiệu NB-8998 của Trần Văn P1 và tàu có ký hiệu NB-6824 của Trần Văn L2 bằng hình thức sang mạn thì bị Tổ công tác thuộc các phòng nghiệp vụ của Công an thành phố H phát hiện, bắt quả tang, thu giữ: 01 tàu mang số hiệu VP 0972 của Phạm Đình L1, 01 tàu NB-8998 của Trần Văn P1 và tàu NB-6824 của Trần Văn L2. Kiểm tra trong khoang chứa hàng tàu NB-8998 của Trần Văn P1 có 193,2 m<sup>3</sup> cát đen; tàu NB-6824 của Trần Văn L2 có 300m<sup>3</sup> cát đen. Tổ công tác đã đưa các đối tượng về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, qua kiểm tra điện thoại của Phạm Đình L1 phát hiện 16 ảnh chụp các trang sổ tay theo dõi số liệu cát Phạm Đình L1 hút sang mạn từ ngày 08/4/2020 đến ngày 27/4/2020 với tổng cộng 27.895m<sup>3</sup> và các tàu mua cát sang mạn của Phạm Đình L1.

Trong các ngày 30/5/2020, 31/5/2020, 01/6/2020 và 04/6/2020, Vương Xuân T, Phạm Thị Hồng T1, Phan Thị Bích H1, Phạm Văn T3, Phan Đình T5, Đặng Thế T4 và Lưu Xuân K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

thành phố H đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. Đặng Thế T4 đã tự nguyện giao nộp 04 quyển sổ ghi chép theo dõi các tàu hút cát trái phép bơm lên bãi tập kết vật liệu của Vương Xuân T. Ngày 03/6/2020, Lưu Xuân K tự nguyện giao nộp tại Cơ quan điều tra 01 tàu ký hiệu HN 1566 và 01 xà lan vỏ sắt không ký hiệu là những phương tiện phục vụ khai thác cát trái phép. Cơ quan điều tra còn thu giữ số tang vật liên quan gồm: 01 xe ô tô tải nhãn hiệu HOWO BKS 43C – 145.6003, 01 xe ô tô BKS 20C – 095.81, 01 xe ô tô BKS 29H – 271.80, 01 máy xúc màu vàng nhãn hiệu HITACHI EX230LC, 01 máy xúc màu vàng nhãn hiệu ROBEX 2000W, 01 máy xúc nhãn hiệu DOOSAN 420LCV Solar màu vàng cam, 01 máy xúc HITACHI LANDY EX75UR và 01 máy san gạt đang tập kết trên bãi vật liệu của Vương Xuân T.

Căn cứ vào sổ sách theo dõi xác định:

- Từ ngày 01/3/2020 đến ngày 28/3/2020: Tàu của Phạm Đình L1 khai thác được 41 chuyến bằng 4.100m<sup>3</sup>.

- Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 09/3/2020: Tàu của đối tượng D khai thác được 221 chuyến bằng 22.100m<sup>3</sup>.

- Từ ngày 29/4/2020 đến ngày 22/5/2020: Tàu của Lưu Xuân K khai thác được 59 chuyến trong đó có 01 chuyến vơi bằng 11.770m<sup>3</sup>.

- Từ ngày 01/5/2020 đến ngày 22/5/2020: Tàu của đối tượng T6 khai thác được 85 chuyến bằng 8.500m<sup>3</sup>.

- Từ ngày 13/5/2020 đến ngày 21/5/2020: Tàu của Nguyễn Đường Đ khai thác được 10.5 chuyến bằng 1.050m<sup>3</sup>.

Tại biên bản đo đạc hiện trường ngày 30/5/2020 của Công ty Cổ phần Đ3 trên bãi tập kết cát khai thác trái phép của Vương Xuân T xác định: cát đen có tại hiện trường là 11.701,9 m<sup>3</sup>. Số cát này là số cát này nằm trong số cát các đối tượng khai thác trái phép được theo dõi trong sổ của T4 giao nộp.

Kết quả thí nghiệm cốt liệu nhỏ - cát của Công ty cổ phần T9 ngày 03/6/2020 xác định mẫu cát thu ở bãi vật liệu của Vương Xuân T tại thôn M, xã Đ, huyện Đ, H và tại phương tiện gắn số hiệu NB 8998 và NB 6824 là Cát đạt yêu cầu dùng cho vữa bê tông theo tiêu chuẩn TCVN7570-2006.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 97/KLĐGTS ngày 05/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận B, kết luận: “... 11.701,9 mét khối cát hiện có tại bãi tập kết cát khai thác trái phép của Vương Xuân T là 743.070.650 đồng (bảy trăm bốn mươi ba triệu không trăm bảy mươi nghìn sáu trăm năm mươi đồng)”.

Căn cứ kết quả định giá trên, mỗi mét khối cát đen khai thác tại khu vực thôn M, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội có giá trị 63.500 đồng/m<sup>3</sup>.

Như vậy, từ ngày 01/3/2020 đến ngày 26/5/2020, Phạm Đình L1 đã khai thác trái phép 32.488,2m<sup>3</sup> cát trị giá 2.063.000.700 đồng. Trong đó, có 28.388,2 m<sup>3</sup> khai thác sang mạn (27.895m<sup>3</sup> + 193,2m<sup>3</sup> + 300m<sup>3</sup>) và 4.100 m<sup>3</sup> cát bơm lên bãi tập kết vật liệu của Vương Xuân T. Tổng tiền công Phạm Đình L1 đã nhận là 200.975.000 đồng. Trừ chi phí xăng dầu, tiền nhân công, tiền sinh hoạt phí, Phạm Đình L1 thu lời bất chính 1.500 đồng/m<sup>3</sup> cát. Tổng cộng, Phạm Đình L1 thu lời bất chính 47.992.500 đồng.

- Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 09/3/2020, đối tượng D đã khai thác trái phép 22.100m<sup>3</sup> cát, trị giá 1.403.350.000 đồng.

- Từ ngày 29/4/2020 đến ngày 22/5/2020, Lưu Xuân K khai thác trái phép 11.770m<sup>3</sup> cát, trị giá 747.395.000 đồng. Trừ chi phí xăng dầu, tiền nhân công, tiền sinh hoạt phí, Lưu Xuân K thu lời bất chính 17.655.000 đồng.

- Từ ngày 01/5/2020 đến ngày 22/5/2020, đối tượng T6 khai thác trái phép 8.500m<sup>3</sup> cát trị giá 539.750.000 đồng.

- Từ ngày 13/5/2020 đến ngày 21/5/2020, Nguyễn Đường Đ khai thác trái phép 1.050m<sup>3</sup> cát trị giá 66.675.000 đồng. Nguyễn Đường Đ chưa nhận tiền từ vợ chồng Vương Xuân T và Phạm Thị Hồng T1.

Ngoài những số liệu thu giữ được trong máy điện thoại của Phạm Đình L1 và trong sổ sách thu giữ của Đặng Thế T4, Cơ quan điều tra không thu giữ được bất kỳ số liệu nào liên quan đến việc khai thác cát của các đối tượng nêu trên.

Như vậy, từ ngày 01/01/2020 đến ngày 22/5/2020, Vương Xuân T và Phạm Thị Hồng T1 đã chỉ đạo Phạm Đình L1, Lưu Xuân K, T6, D và Nguyễn Đường Đ khai thác cát trái phép với tổng số cát là: 75.958,2m<sup>3</sup> trị giá 4.823.345.700 đồng. Trừ chi phí thuê máy xúc, nhân công, trả tiền tàu hút... thì Vương Xuân T và Phạm Thị Hồng T1 thu lời bất chính số tiền 177.653.000 đồng. Số tiền do Vương Xuân T và Phạm Thị Hồng T1 trả công cho Phạm Văn T3, Đặng Thế T4, Phan Đình T5, Phan Thị Bích H1 và Nguyễn Viết S, các đối tượng đã sử dụng ăn tiêu cá nhân hết.

Đối với hành vi lái tàu không có bằng hoặc chứng nhận khả năng chuyên môn theo quy định của Lưu Xuân K và Phạm Đình L1, Cơ quan điều tra đã có Công văn gửi Phòng C Công an thành phố H thẩm định hồ sơ để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng D có tàu hút HD 0206: Tại Cơ quan điều tra, các bị can đều không biết họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của D. Xác minh tại Sở Giao thông vận tải tỉnh H thể hiện: Tàu thủy mang biển kiểm soát HD 0206 do chị Nguyễn Thị N (sinh năm 1969; trú tại thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh H16) đứng

tên đăng ký năm 2009. Đến năm 2011, chị Nguyễn Thị N đã bán tàu cho một người không quen biết. Kiểm tra điện thoại của Phạm Thị Hồng T1 xác định số điện thoại mà D sử dụng là 0919363426. Tập đoàn B1 - V cung cấp số điện thoại này đăng ký theo tên bà Dương Thị N1 (sinh năm 1966; trú tại xã T, huyện K, tỉnh H17). Bà Dương Thị N1 khai không sử dụng số điện thoại này bao giờ, không biết vì sao lại đứng tên đăng ký số điện thoại này. Bà N1 không có người họ hàng nào tên là D. Do không đủ căn cứ xác định nhân thân của D nên Cơ quan điều tra đã tách phần vụ án liên quan đến hành vi của D để xác minh, xử lý sau.

Đối với tàu không có số hiệu của vợ chồng đối tượng Q, T6: Tại Cơ quan điều tra, các bị can đều khai không biết họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của Q và T6. Kiểm tra điện thoại của bị can T1 xác định lưu số điện thoại của Q là 0975180489. Cơ quan điều tra đã gửi yêu cầu Tập đoàn V1 cung cấp thông tin chủ đăng ký số điện thoại này, đến nay chưa có kết quả phúc đáp. Do không đủ căn cứ xác định nhân thân của Q, T6 nên Cơ quan điều tra đã tách phần vụ án liên quan đến hành vi của Q và T6 để xác minh, xử lý sau.

Đối với đối tượng Nguyễn Đường Đ: Sau khi khai thác cát trái phép ngày 21/5/2020, Đ đã bán chiếc tàu hút này cho người không quen biết nên Cơ quan điều tra không có cơ sở thu hồi. Nguyễn Đường Đ đã khai thác trái phép 1.050m<sup>3</sup> cát trị giá 66.675.000 đồng nên chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Đường Đ. Do đó, Cơ quan điều tra đã chuyển phần hồ sơ liên quan đến Phòng C, Công an thành phố H để xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Đường Đ về hành vi khai thác tài nguyên trái phép.

Đối với đối tượng Triệu Văn Đ1: Tài liệu điều tra chỉ xác định Đ1 tham gia cùng Phạm Đình L1 khai thác cát trái phép ngày 26/5/2020 với số cát là 493,2m<sup>3</sup> (193,2m<sup>3</sup> + 300m<sup>3</sup>) có giá trị 31.318.200 đồng nên chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển phần hồ sơ liên quan đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố H để xử phạt vi phạm hành chính đối với Triệu Văn Đ1 về hành vi khai thác tài nguyên trái phép.

Đối với Trần Văn P1 và Trần Văn L2: Ngày 26/5/2020, Trần Văn P1 đã mua 193,2m<sup>3</sup> cát khai thác trái phép có giá trị 12.268.200 đồng; Trần Văn L2 đã mua 300m<sup>3</sup> cát khai thác trái phép có giá trị 19.050.000 đồng. Kết quả điều tra không có tài liệu chứng minh P1 và L2 đã nhiều lần mua cát của L1 và ngày 26/5/2020, số lượng cát L1 khai thác không đủ cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” nên hành vi của P1 và L2 không cấu

thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Hành vi của P1 và L2 đã vi phạm khoản 6 Điều 21 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được sửa đổi bổ sung bởi mục 19 Nghị định 124/2015/NĐ-CP. Công an thành phố H đã xử phạt hành chính đối với P1 và L2.

Đối với những người lái máy xúc là Hữu A và G1. Kết quả điều tra xác định Hữu A và G1 chỉ làm thuê thời vụ nên T3, T1 không biết đầy đủ tên, tuổi của các lái máy xúc này. Khi thuê lái máy xúc, T3 và T1 không nói cho Hữu A và G1 biết việc mình khai thác cát trái phép nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý đối với Hữu A và G1.

Đối với các tàu mua cát có thông tin ghi trong sổ tay của Phạm Đình L1: Kiểm tra điện thoại của Phạm Đình L1 có các ảnh chụp các trang sổ tay mà L1 ghi lại biển số của 36 tàu đã đến mua cát bằng hình thức hút sang mạn từ tàu hút của L1, Cơ quan điều tra đã có Công văn gửi Sở G các tỉnh, xác định được thông tin đăng ký đối với 29 tàu, còn lại 07 tàu không có thông tin đăng ký. Cơ quan điều tra đã triệu tập, làm việc với 17 chủ tàu, hiện còn 12 chủ tàu chưa triệu tập đến làm việc được. Trong số những chủ tàu đã được cơ quan triệu tập, ghi lời khai có 03 người là Trần Văn H2 (sinh năm 1982; trú tại đội F, xã Đ, huyện N, tỉnh N9), Trần Văn L3 (sinh năm 1966; trú tại xóm P, xã G, huyện G, tỉnh N9) và Trần Quốc Đ2 (sinh năm 1974; trú tại thôn P, xã S, huyện L, tỉnh V8). Cả ba người đều khai nhận từng mua cát dưới hình thức hút sang mạn trên sông H tại khu vực huyện Đ, H, nhưng đều không biết mua của ai. Bị can Phạm Đình L1 khai nhận trong sổ các tàu được ghi trong sổ tay, L1 không quen biết chủ tàu nào, quá trình mua bán đều diễn ra ban đêm, không nhìn rõ đặc điểm của người mua nên không nhận dạng được. Do đó, không đủ căn cứ để kết luận Trần Văn H2, Trần Văn L3 và Trần Quốc Đ2 đã mua cát dưới hình thức hút sang mạn từ tàu của Phạm Đình L1, không xác định được lượng cát mà ba người đã mua. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã quyết định tách tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra làm rõ các tàu mua cát dưới hình thức hút sang mạn được ghi lại trong sổ tay của Phạm Đình L1 để xử lý theo pháp luật.

Đối với các phương tiện đã thu giữ, quá trình điều tra xác định:

- 01 tàu ký hiệu HN 1566 và 01 xà lan vỏ sắt không ký hiệu thu giữ của Lưu Xuân K và 01 tàu ký hiệu VP 0972 thu của Phạm Đình L1 là những phương tiện phục vụ khai thác cát trái phép.

- Tàu thủy vỏ sắt mang số hiệu NB-8998 và tàu thủy vỏ sắt mang số hiệu NB-6824 thu giữ của Trần Văn P1 và Trần Văn L2. P1 và L2 đã làm tài sản thế chấp cho Ngân hàng B2 Chi nhánh N3. Ngân hàng B2 Chi nhánh N3 đã có Công văn số 51, 52 ngày 11/01/2021 gửi Cơ quan điều tra thể hiện: Trần Văn P1 và Trần Văn L2 đã có đơn đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để trả nợ vay ngân hàng. Ngân hàng đề nghị Cơ quan điều tra trao trả tàu thủy biển kiểm soát NB 8998 và NB 6824 cho Ngân hàng, nên Cơ quan điều tra đã trao trả 02 chiếc tàu trên cho Ngân hàng B2 - Chi nhánh N3.

- Đối với chiếc xe tải nhãn hiệu HOWO mang biển kiểm soát 43C-145.60 xác định không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho anh Nguyễn Huy H3 (sinh năm 1977; trú tại số B H, phường A, S, Đ9) Giám đốc Công ty Đ4.

- 01 xe ô tô tải mang biển kiểm soát 20C-095.81 Cơ quan điều tra, Công an thành phố H đã trả cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Trung K2 (sinh năm 1978; trú tại xóm C, xã T, huyện P, tỉnh T18).

- 01 xe ô tô tải mang biển kiểm soát 29H-271.80, Cơ quan điều tra, Công an thành phố H đã trả cho chủ sở hữu là chị Trần Thị Thùy T7 (sinh năm 1993; trú tại thôn Đ, xã B, huyện S, H).

- 01 máy xúc màu vàng HITACHI EX230LC, 01 máy xúc nhãn hiệu ROBEX 2000W - 2 màu vàng và 01 máy san gạt trả cho bà Hoàng Thị K3, Giám đốc Công ty D1 (có địa chỉ A50-BT4, KĐT M, phường M, quận N, H).

- 01 máy xúc nhãn hiệu DOOSAN 420LCV Solar màu vàng cam trả cho Ngân hàng S1 chi nhánh V2.

- Đối với chiếc máy xúc HITACHI LANDY EX75UR hiện chưa rõ số khung, số máy nên Cơ quan điều tra đã tách phần hồ sơ liên quan để tiếp tục xác minh làm rõ.

Đối với hành vi buôn lỏng quản lý của các cấp có thẩm quyền, sau khi nhận được các văn bản yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, thì các cấp có thẩm quyền đã có những chỉ đạo, kiểm điểm kỷ luật đối với các đơn vị, cán bộ để xảy ra vi phạm trong lĩnh vực mình phụ trách.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 260/2022/HSST ngày 26/7/2022, Tòa án nhân dân thành phố H áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Vương Xuân T 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2020 đến ngày 26/10/2020.



Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lưu Xuân K 15 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy: 04 quyển sổ tay (bên nhận không kiểm tra nội dung thông tin ghi chép bên trong sổ).

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động Nokia 1010 màu đen, số imei 352877105797455.

+ 01 điện thoại di động có ghi chữ xiaomi, màu đen, số imei 869722049473290/98.

+ 01 điện thoại di động Samsung, số imei 355731092404806.

+ 01 điện thoại di động Samsung, màu xanh, số imei 352049110332989.

+ 12.192,3m<sup>3</sup> cát đen.

+ 01 (một) xà lan máy vỏ sắt không có số hiệu.

+ 01 (một) tàu thủy vỏ sắt sơn số hiệu VP 0972 tại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 756/ĐK ngày 27/5/2009 do Sở Giao thông vận tải UBND tỉnh V cấp có thông tin như sau: Tên phương tiện: Sà Lan Máy; số đăng ký VP-0972; Chủ phương tiện Nguyễn Quang C; địa chỉ Chủ phương tiện: Xã T, huyện Y, tỉnh V8; đã được cấp đăng ký phương tiện có đặc điểm như sau: Cấp phương tiện: VR-S11; công dụng Chở hàng khô; năm và nơi đóng: 2000, C.ty CP cơ khí G2; chiều dài thiết kế 37,50m; chiều dài lớn nhất 39,75m; chiều rộng thiết kế 07,45m; chiều rộng lớn nhất 07,60m; chiều cao mạn 01,65m; chiều chìm 01,20m; mạn khô 0,45m; vật liệu Thép; số lượng 01; kiểu D108; công suất 108CV; trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo đẩy 195 tấn.

+ 01 (một) tàu thủy vỏ sắt sơn số hiệu HN 1566 tại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 1566/ĐK ngày 29/01/2016 do Sở Giao thông vận tải UBND thành phố H cấp có thông tin như sau: Tên phương tiện: Tàu hàng khô; số đăng ký HN-1566; chủ phương tiện: Nguyễn Hoài N2; địa chỉ chủ phương tiện: Thôn Đ, C, B, H; đã được cấp đăng ký phương tiện có đặc điểm như sau: Cấp phương tiện: VR SII; công dụng: Chở hàng khô; Năm và nơi đóng 2008, S - Hà Nội; chiều dài thiết kế 49.03m; chiều dài lớn nhất 50.50m; chiều rộng thiết kế 7.54m; chiều rộng lớn nhất 7.80m; chiều cao mạn

2.63m; chiều chìm 2.27m; mạn khô 0.368; vật liệu vỏ Thép; số lượng, kiểu và công suất máy chính: 01, CUMMIN, 275CV; trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo đẩy 596.00 tấn.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Vương Xuân T kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Bị cáo Lưu Xuân K kháng cáo xin giảm hình phạt và trả lại cho bị cáo các tài sản đã bị thu giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Vương Xuân T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới gồm: Giấy xác nhận lập công của Công an huyện Đ, thành phố H về việc bị cáo thuyết phục và đưa người có lệnh truy nã ra đầu thú; Biên lai thu tiền số AA/2020/065760 ngày 13/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính 38.826.500 đồng; Biên lai thu tiền số AA/2020/0065568 ngày 10/11/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H, bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Lưu Xuân K giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo, trả lại cho bị cáo các tài sản đã bị thu giữ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tài liệu mới gồm: Biên lai thu tiền số AA/2020/0655715 ngày 06/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H, bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính và án phí hình sự sơ thẩm số tiền 17.855.00 đồng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*** Căn cứ vào lời khai của bị cáo Vương Xuân T, lời khai của người làm chứng, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Vương Xuân T về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo cung cấp thêm các tình tiết mới là Giấy xác nhận lập công, biên lai thu tiền thu lời bất chính và tiền án phí sơ thẩm, đây là các tình tiết mới nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật

Đối với kháng cáo của bị cáo Lưu Xuân K thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp các tài liệu mới thể hiện đã nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính và án phí hình sự sơ thẩm số tiền 17.855.00 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt đối với bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo về phần xử lý vật chứng: Tài sản của bị cáo là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Vương Xuân T thừa nhận toàn bộ hành vi, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, lời khai của người làm chứng trong vụ án và các tài liệu khác, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Với mục đích kiếm tiền bất chính, vợ chồng Vương Xuân T và Phạm Thị Hồng T1 đã thuê 05 tàu thủy của các đối tượng Phạm Đình L1, Lưu Xuân K, Nguyễn Đường Đ, D, Q và T6, có gắn các thiết bị hút cát để khai thác cát trái phép tại khu vực sông H thuộc địa phận xã Đ, huyện Đ, H, mục đích để đem bán kiếm lời. Sau đó, Vương Xuân T và Phạm Thị Hồng T1 thuê các đối tượng này đi hút cát trái phép, rồi bán sang mạn hoặc đưa cát về tập kết tại bãi vật liệu của Vương Xuân T tại thôn M, xã Đ, huyện Đ, H. Để hoạt động khai thác cát trái phép trên lòng sông H được hiệu quả, Vương Xuân T và Phạm Thị Hồng T1 đã thuê các đối tượng quản lý, duy trì công việc khai thác cát trái phép, gồm: Phạm Văn T3, Đặng Thế T4, Phan Đình T5, Phan Thị Bích H1 và Nguyễn Viết S có nhiệm vụ quản lý, thanh toán tiền với các chủ tàu hút cát. Rạng sáng ngày 26/5/2020, khi tàu của Phạm Đình L1 đang khai thác cát trái phép và bán sang mạn cho tàu NB-8998 của Trần Văn P1 và tàu NB-6824

của Trần Văn L2 thì bị Tổ công tác của Công an thành phố H phát hiện, bắt giữ.

Kết quả điều tra xác định: Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 22/5/2020, Vương Xuân T và Phạm Thị Hồng T1 đã chỉ đạo Phạm Đình L1, Lưu Xuân K, Nguyễn Đường Đ, đối tượng D và đối tượng T6 khai thác cát trái phép với tổng số cát là 75.908,2m<sup>3</sup> trị giá 4.820.170.700 đồng để thu lời bất chính số tiền 177.653.000 đồng.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án Vương Xuân T về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Vương Xuân T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo Vương Xuân T cùng đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Vương Xuân T 30 tháng tù là có căn cứ.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; gia đình bị cáo có người thân là người có công với cách mạng; trong thời điểm dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố H đang diễn biến phức tạp, bị cáo đã tự nguyện đóng góp số tiền 5.000.000 đồng cho quỹ phòng chống dịch tại địa phương (có xác nhận của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã T, huyện M, thành phố H), bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện các bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H tặng bằng khen vì có thành tích trong các phong trào sản xuất, sinh hoạt tại địa phương. Sau khi phạm tội, các bị cáo Vương Xuân T đã đến Cơ quan điều tra để đầu thú; bị cáo có nhân thân tốt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và cung cấp thêm những tài liệu mới gồm:

Giấy xác nhận lập công của Công an huyện Đ, thành phố H về việc bị cáo thuyết phục và đưa người có lệnh truy nã ra đầu thú thể hiện bị cáo tích cực hợp tác giúp Cơ quan điều tra thực hiện tội phạm; Biên lai thu tiền số AA/2020/065760 ngày 13/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H thể hiện bị cáo đã nộp tiếp số tiền 38.826.500 đồng để khắc phục toàn bộ số

tiền thu lời bất chính là 88.826.500 đồng theo Bản án 260/2022/HSST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H; Biên lai thu tiền số AA/2020/0065568 ngày 10/11/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H thể hiện bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, trên cơ sở đánh giá mức độ, hậu quả, việc khắc phục vi phạm do hành vi phạm tội của bị cáo, thái độ khai báo, chấp hành pháp luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân và nơi cư trú rõ ràng của bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo đối với bị cáo; sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm để giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và xử lý vật chứng của bị cáo Lưu Xuân K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

4.1. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Lưu Xuân K, thấy rằng: Bị cáo là người có tàu được Vương Xuân T và Phạm Thị Hồng T1 thuê để trực tiếp làm công việc hút cát trái phép nên bị cáo phạm tội với vai trò thực hành. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và cung cấp thêm tình tiết mới gồm: Biên lai thu tiền số AA/2020/0655715 ngày 06/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H thể hiện bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính là 17.655.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận.

4.2. Xét kháng cáo đối với phần xử lý vật chứng của bị cáo Lưu Xuân K thấy rằng: Trong vụ án này, bị cáo là người có tàu được Vương Xuân T và

Phạm Thị Hồng T1 thuê để trực tiếp làm công việc hút cát trái phép. Quá trình điều tra cũng đã xác định: 01 tàu ký hiệu HN 1566 và 01 xà lan vỏ sắt không ký hiệu thu giữ của Lưu Xuân K là những phương tiện phục vụ khai thác cát trái phép. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 47; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu 01 xà lan máy vỏ sắt không có số hiệu và 01 (một) tàu thủy vỏ sắt sơn số hiệu HN 1566 tại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 1566/ĐK ngày 29/01/2016 do Sở Giao thông vận tải Ủy ban nhân dân thành phố H cấp sung quỹ nhà nước là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Xuân K, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng đối với bị cáo Lưu Xuân K.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Vương Xuân T và bị cáo Lưu Xuân K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Vương Xuân T; chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Lưu Xuân K; Sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 260/2022/HS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H về phần hình phạt đối với bị cáo Vương Xuân T và bị cáo Lưu Xuân K, cụ thể:

Tuyên bố các bị cáo Vương Xuân T và bị cáo Lưu Xuân K phạm tội: “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vương Xuân T 25 (hai mươi lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 50 (năm mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vương Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, thành phố H để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Vương Xuân T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền 38.826.500 đồng và 200.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2020/065760 ngày 13/12/2022 và Biên lai thu tiền số AA/2020/0065568 ngày 10/11/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; các điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Xuân K 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lưu Xuân K cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, thành phố H để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lưu Xuân K cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền 17.855.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2020/0065715 ngày 06/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lưu Xuân K về phần xử lý vật chứng; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 260/2022/HSST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H về phần xử lý vật chứng đối với bị cáo Lưu Xuân K, cụ thể:

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự
- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:
  - + 01 (một) xà lan máy vỏ sắt không có số hiệu.

+ 01 (một) tàu thủy vỏ sắt sơn số hiệu HN 1566 tại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 1566/ĐK ngày 29/01/2016 do Sở Giao thông vận tải UBND thành phố H cấp có thông tin như sau: Tên phương tiện: Tàu hàng khô; số đăng ký HN-1566; chủ phương tiện: Nguyễn Hoài N2; địa chỉ chủ phương tiện: Thôn Đ, C, B, H; đã được cấp đăng ký phương tiện có đặc điểm như sau: Cấp phương tiện: VR SII; công dụng: Chở hàng khô; Năm và nơi đóng 2008, S - Hà Nội; chiều dài thiết kế 49.03m; chiều dài lớn nhất 50.50m; chiều rộng thiết kế 7.54m; chiều rộng lớn nhất 7.80m; chiều cao mạn 2.63m; chiều chìm 2.27m; mạn khô 0.368; vật liệu vỏ Thép; số lượng, kiểu và

công suất máy chính: 01, CUMMIN, 275CV; trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo đầy 596.00 tấn.

3. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Vương Xuân T, Lưu Xuân K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- UBND xã Đại Mạch, huyện Đông Anh, tp Hà Nội;
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thế Lệ**